

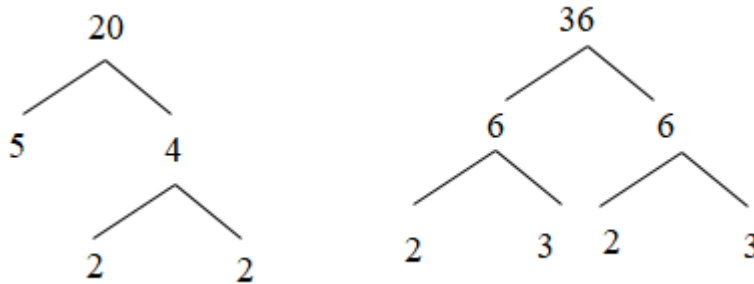
Giải Toán 6 VNEN Bài 18: Hoạt động khởi động

Câu 1 (trang 58 Toán 6 VNEN Tập 1): Chơi trò chơi “Phân tích số theo sơ đồ cây” với sự hướng dẫn của thầy/ cô giáo.

Sgk trang 58 Toán 6 VNEN Tập 1

Câu 2 (trang 58 Toán 6 VNEN Tập 1): Em và bạn chọn một số khác, chẳng hạn các số 20; 36 và đổi vai cho nhau cùng chơi.

Trả lời:



Do đó: $20 = 2 \cdot 2 \cdot 5$; $36 = 2 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 3$

Giải Toán VNEN lớp 6 Bài 18: Hoạt động hình thành kiến thức

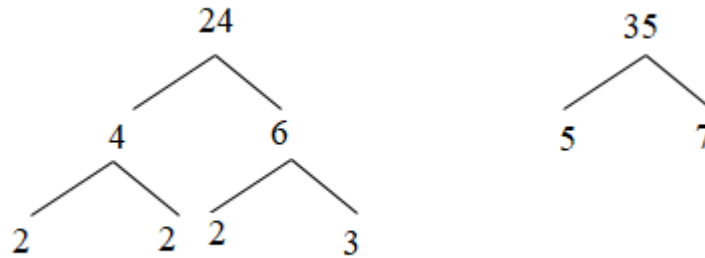
Câu 1 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1).

a) Đọc kĩ nội dung sau

Sgk trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1

b) Phân tích các số 24; 35 ra thừa số nguyên tố theo cách dùng sơ đồ phân tích như trên (gọi là “sơ đồ cây”).

Trả lời:



$24 = 2 \cdot 3 \cdot 3$; $35 = 5 \cdot 7$

Câu 2 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1).

a) Đọc kĩ nội dung sau

Sgk trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1

b) Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố:

16; 60; 56; 84.

Trả lời:

$$\begin{array}{r|l}
 16 & 2 \\
 8 & 2 \\
 4 & 2 \\
 2 & 2 \\
 1 &
 \end{array}$$

Vậy $16 = 2_4$

$60 = 2_2 \cdot 3 \cdot 5$

$$\begin{array}{r|l} 56 & 2 \\ 18 & 2 \\ 9 & 3 \\ 3 & 3 \\ 1 & \end{array}$$

$$56 = 2_2 \cdot 3$$

$$\begin{array}{r|l} 84 & 2 \\ 42 & 2 \\ 21 & 3 \\ 7 & 7 \\ 1 & \end{array}$$

$$84 = 2_2 \cdot 3 \cdot 7$$

Giải SGK Toán 6 VNEN Bài 18: Hoạt động luyện tập

Câu 1 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1): Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố:

a) 30; 70; 42;

b) 16; 48; 36; 81;

c) 10; 100; 1000; 10 000.

Trả lời:

a)

$$\begin{array}{r|l} 30 & 2 \\ 15 & 3 \\ 5 & 5 \\ 1 & \\ \hline 30 & = 2.3.5 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r|l} 70 & 2 \\ 35 & 5 \\ 7 & 7 \\ 1 & \\ \hline 70 & = 2.5.7 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r|l} 42 & 2 \\ 21 & 3 \\ 7 & 7 \\ 1 & \\ \hline 42 & = 2.3.7 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r|l} 16 & 2 \\ 8 & 2 \\ 4 & 2 \\ 2 & 2 \\ 1 & \\ \hline 16 & = 2^4 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r|l} 48 & 2 \\ 24 & 2 \\ 12 & 2 \\ 6 & 2 \\ 3 & 3 \\ 1 & \\ \hline 48 & = 2^4.3 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r|l} 36 & 2 \\ 18 & 2 \\ 9 & 3 \\ 3 & 3 \\ 1 & \\ \hline 36 & = 2^2.3^2 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r|l} 81 & 3 \\ 27 & 3 \\ 9 & 3 \\ 3 & 3 \\ 1 & \\ \hline 81 & = 3^4 \end{array}$$

c)

$$10 = 10_1; 100 = 10_2; 1000 = 10_3; 10\ 000 = 10_4$$

Câu 2 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1): An phân tích các số 24; 84; 40 ra thừa số nguyên tố như sau:

$$24 = 2. 3. 4 \quad 84 = 2. 3. 14 \quad 40 = 23. 5$$

An làm như trên có đúng không? Hãy sửa lại trong trường hợp An làm không đúng.

Trả lời:

An làm các số 24 và 84 chưa triệt để.

$$\text{Sửa lại: } 24 = 2_3.3; 84 = 2_2.3.7$$

Câu 3 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1): Tra bảng các số nguyên tố nhỏ hơn 1000 (ở cuối sách) để tìm bốn số nguyên tố nằm giữa 200 và 230.

Trả lời:

Bốn số nguyên tố nằm giữa 200 và 230 là: 211, 223, 227, 229

Câu 4 (trang 59 Toán 6 VNEN Tập 1): Phân tích số 221 thành tích của hai thừa số nguyên tố.

Trả lời:

$$221 = 13 \cdot 17$$

Giải VNEN Toán 6 Bài 18: Hoạt động vận dụng

Câu 1 (trang 60 Toán 6 VNEN Tập 1): Trả lời câu hỏi

Qua bài này em đã học được những cách nào để phân tích một số ra thừa số nguyên tố?

Trả lời:

Các cách để phân tích một số ra thừa số nguyên tố là:

- sơ đồ cây
- chia theo cột dọc

Câu 2 (trang 60 Toán 6 VNEN Tập 1): Em có biết?

Sgk trang 60 Toán 6 VNEN Tập 1

Giải Toán VNEN 6 Bài 18: Hoạt động tìm tòi mở rộng

Câu 1 (trang 60 Toán 6 VNEN Tập 1): Có thể em chưa biết

Trả lời:

Số $81 = 3_4$ nên số 81 có $(4 + 1) = 5$ (ước)

Số $250 = 2 \cdot 5_3$ nên số 250 có $(1 + 1)(3 + 1) = 8$ (ước)

Số $126 = 2 \cdot 3_2 \cdot 7$ nên số 126 có $(1 + 1)(2 + 1)(1 + 1) = 12$ (ước)